TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Thanh Trà
2. Ông Phạm Xoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Hiếu, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Quốc – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Như S** - sinh năm 1971. Địa chỉ: Đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

* *Bị đơn:* Bà **Ngô Lê Nhật Thiên T** - sinh năm 1972 - Địa chỉ: Đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 09/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Như S trình bày:

Ông và bà Ngô Lê Nhật Thiên T kết hôn với nhau vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà của mẹ bà T ở đường P , sau này chuyển về sống tại nhà riêng của vợ chồng tại địa chỉ đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về tính tình và quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Bà T đã xúc phạm ông rất nhiều. Vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để tìm ra phương án giải quyết cũng như nhờ gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Do tình hình vợ chồng ngày càng

căng thẳng nên ông đã chuyển ra khỏi nhà đến nơi khác sống cách đây hơn một tháng. Đến nay ông và bà T không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà T.

- Về con chung: Ông xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Nhật Như M - sinh ngày 02/4/1995 và Nguyễn Hoàng N - Sinh ngày 02/11/2003. Cháu Nguyễn Nhật Như M đã đủ tuổi trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống riêng. Khi ly hôn, ông có nguyện vọng giao cho bà T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Hoàng N và tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 5.000.000 đồng đến khi cháu đủ 18 tuổi. Nếu bà T không đồng ý nuôi cháu N thì ông nhận nuôi con và không yêu cầu bà T cấp dưỡng, nhưng đề nghị Tòa án xem xét đến nguyện vọng của cháu N.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại Bản tự khai ngày 12/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là bà Ngô Lê Nhật Thiên T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Như S về thời gian và điều kiện kết hôn của vợ chồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2017 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà phát hiện qua tin nhắn điện thoại việc ông S có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Điều này khiến bà bị sốc, mắc bệnh trầm cảm, đôi khi không kiềm chế được nên có những lời nói xúc phạm đến ông S. Tuy nhiên, hiện nay bà vẫn còn tình cảm với ông S và không muốn con không có cha nên bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là Nguyễn Nhật Như M - sinh ngày 02/4/1995 và Nguyễn Hoàng N - Sinh ngày 02/11/2003. Cháu Nguyễn Nhật Như M đã đủ tuổi trưởng thành nên tự quyết định cuộc sống riêng. Nếu phải ly hôn, bà đồng ý nuôi cháu N và yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng để lo chi phí sinh hoạt, học tập và chữa bệnh cho cháu. Tuy nhiên, nếu ông S chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng thì bà cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát

đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Như S về việc ly hôn với bà Ngô Lê Nhật Thiên T; giao con chung là cháu Nguyễn Hoàng N cho bà T nuôi dưỡng, ông S cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/tháng là hợp lý. Ông S và bà T không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là bà Ngô Lê Nhật Thiên T có nơi cư trú tại đường L, quận C, thành phố Đà Nẵng nên vụ án do Tòa án nhân quận Hải Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Như S và bà Ngô Lê Nhật Thiên T tự nguyện kết hôn vào năm 1994, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Th, quận C, thành phố Đà Nẵng trên cơ sở tự nguyện. Hôn nhân giữa ông S và bà T đảm bảo các điều kiện cũng như thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Nguyễn Như S vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bà Ngô Lê Nhật Thiên T vì cho rằng vợ chồng không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, không thể hàn gắn được; còn bà T không đồng ý ly hôn với ông S. Căn cứ vào lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhận thấy: Ông S và bà T đều thừa nhận giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2017, làm ảnh hưởng xấu đến đời sống tinh thần và sức khỏe của các thành viên trong gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã và không còn tôn trọng nhau; hai bên đã sống mỗi người một nơi cách đây hơn một tháng. Tại phiên tòa hôm nay, bà T không đồng ý ly hôn với ông S vì cho rằng vẫn còn tình cảm, tuy nhiên tại biên bản hòa giải ngày 18/7/2018 bà T cũng xác định hiện nay vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân không thể hàn gắn được, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng. Lời trình bày của các đương sự cũng phù hợp với nội dung ghi nhận trong biên bản xác minh của Tòa án tại địa phương, thể hiện trong quá trình chung sống đến năm 2017 giữa ông S và bà T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã. Điều này chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Nguyễn Như S xin ly hôn là có cơ sở. Vì vậy, Tòa án căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Như S.

[2.2] Về con chung: Ông Nguyễn Như S và bà Ngô Lê Nhật Thiên T có 02 con chung là Nguyễn Nhật Như M, sinh ngày 02/4/1995 và Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 02/11/2003. Cháu Nguyễn Nhật Như M đã đủ tuổi thành niên nên tự quyết định cuộc sống của mình. Khi ly hôn, ông S có nguyện vọng giao cháu N cho bà T

nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Bà T đồng ý nuôi con nhưng yêu cầu ông S cấp dưỡng 10.000.000 đồng/tháng, nhưng nếu ông S chỉ có khả năng cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng thì bà cũng đồng ý. Tòa án xét thấy: Tại biên bản ghi lời khai ngày12/7/2018, cháu Nguyễn Hoàng N thể hiện nguyện vọng muốn sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Từ khi ông S chuyển đi nơi khác, cháu N vẫn sống cùng bà T và bà T là người chăm sóc chủ yếu về sinh hoạt và sức khỏe của cháu N từ nhỏ cho đến nay. Do đó, Tòa án quyết định giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu, phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo cho cháu N có cuộc sống ổn định để học tập và phát triển.

Về cấp dưỡng nuôi con: Việc nuôi con cũng như đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là trách nhiệm của cả hai bên cha mẹ chứ không phải của một bên. Bà T và ông S đều có công việc và thu nhập ổn định. Tuy thu nhập cố định hàng tháng của bà T không cao, nhưng ông S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, Tòa án xét thấy mức cấp dưỡng này là phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với thu nhập thực tế của ông S, đảm bảo được cuộc sống của cháu Nguyễn Hoàng N. Do đó, cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng là có cơ sở.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Như S và bà Ngô Lê Nhật Thiên T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Như S phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Như S đối với bà Ngô Lê Nhật Thiên T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Như S được ly hôn với bà Ngô Lê Nhật Thiên T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 02/11/2003 cho bà Ngô Lê Nhật Thiên T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Ông Nguyễn Như S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Ngô Lê Nhật Thiên T có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Như S chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Nguyễn Như S phải trả lãi đối với số tiền chậm trả với lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: *:* Ông Nguyễn Như S và bà Ngô Lê Nhật Thiên T xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng ông Nguyễn Như S phải chịu, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo biên lai thu số 0003421 ngày 22/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu. Ông Nguyễn Như S còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Như S và bà Ngô Lê Nhật Thiên T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Thu Thảo